

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày : 29 - 01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông HOÀNG TRÌNH

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông DƯƠNG HẢI LONG

+ Ông HA TÔNG

- **Thư ký phiên tòa:** Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà HỒ THỊ THANH - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2017/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐ-HSST ngày 05 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

NGUYỄN THANH H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1991. Nơi sinh: Quảng Bình. Nơi ĐKNKTT: Xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở: Tổ 19, Phường 3, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông: Nguyễn Đình D, sinh năm 1952; Con bà: Đinh Thị L, sinh năm 1958. Hiện ở tại: Xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1991, có 01 con, sinh năm 2013. Hiện ở tại: Tổ 19, Phường 3, thành phố Đ, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 21/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Trang D, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú tại: 517/25 đường T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H là người đã có vợ, con nhưng vẫn có quan hệ tình cảm yêu đương với chị Nguyễn Thị Trang D. Quá trình quen nhau, H biết chị D có 13 chiếc

nhẫn vàng và chỗ giấu chìa khóa nhà chị D nên H nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản nói trên của chị D. Thực hiện ý định, H đã mua 05 chiếc nhẫn giả để sẵn trong người. Khoảng 08 giờ 30 ngày 11/9/2017, sau khi biết chị D đi vắng, H đã đến nhà của chị D tại 517/25 đường T, Phường 11, thành phố Đ, Lâm Đồng, lấy chìa khóa giấu phía trước nhà, mở cửa nhà, vào phòng ngủ của chị D lục tìm tài sản trong tủ quần áo của chị D và phát hiện được một hộp gỗ, bên trong có 13 chiếc nhẫn vàng loại 9999, H lấy 13 chiếc nhẫn vàng thật của chị D và bỏ 05 chiếc nhẫn bằng vàng giả đã chuẩn bị từ trước vào lại trong hộp gỗ. Sau khi chiếm đoạt được số vàng trên, H khóa cửa lại như cũ và đem số vàng bán tại một tiệm vàng tại Khu H, Phường 1, thành phố Đ, Lâm Đồng được 36.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất, chị D nghi ngờ H là người đã lấy tài sản của mình nên hỏi H thì H thú nhận chính mình là người đã lấy tài sản của chị D và đồng ý bồi thường cho chị D theo yêu cầu là 39.000.000 đồng, H đã bồi thường trước cho chị D 14.000.000 đồng, nhưng sau đó H không tiếp tục bồi thường số tiền còn lại nên chị D đã báo cáo với Cơ quan Công an, tại Cơ quan Công an, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau đó H cùng gia đình bồi thường tiếp cho chị D 25.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 39.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, chị D không yêu cầu H bồi thường gì thêm.

Tại Kết luận định giá số 2204/TC-KH ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 13 chiếc nhẫn vàng loại 9999 24k, trọng lượng tổng cộng 12 chỉ, thời điểm ngày 11/9/2017 có giá 3.573.600 đồng/1 chỉ, tổng giá trị 42.883.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 26/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Nguyễn Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh H khai nhận vào ngày 11/9/2017 bị cáo đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của chị Nguyễn Thị Trang D, chiếm đoạt 13 nhẫn vàng có trọng lượng 12 chỉ vàng loại 9999 24K của chị D đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh H đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 09 đến 12 tháng tù. Phần bồi thường: Quá trình điều tra bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho người bị hại 39.000.000 đồng, tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không

xem xét để giải quyết phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật. Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh H: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại vắng nhà, đã lén lút đột nhập vào nhà để chiếm đoạt tài sản là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. hành vi của bị cáo chiếm đoạt 12 chỉ vàng loại 9999 trị giá 42.883.000 đồng, là tài sản có giá trị khá lớn với mục đích để bán lấy tiền sử dụng cho nhu cầu cá nhân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thanh H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, lẽ ra phải áp dụng điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo nhưng do Bộ luật hình sự năm 2015 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất của điều 173 chỉ 20 năm tù, trong khi điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất đến Tù chung thân nên điều luật áp dụng để xét xử bị cáo theo qui định tại khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 là điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không áp dụng theo điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên.

Về tình tiết định khung hình phạt: Xét hành vi của bị cáo không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước khi xét xử bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho người bị hại, sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Trang D 39.000.000 đồng theo yêu cầu. Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết tiếp.

Về xử lý vật chứng: Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có: 01 dây nịt bằng da màu đen; 01 vòng đeo tay bằng gỗ; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu đen; 01 đồng hồ màu vàng hiệu RaDo; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng 01 thẻ ATM Sacombank 01 thẻ ATM Viettinbank mang tên Nguyễn Thanh H và 01 ví da màu đen Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chị Trần Thị P, là vợ của bị cáo nên không xem xét để xử lý tiếp. Riêng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xám (đã qua sử dụng), xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 3, Điều 7, khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2017.

[3] . Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xám (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2018 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (02);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Biện pháp theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

Hoàng Trình